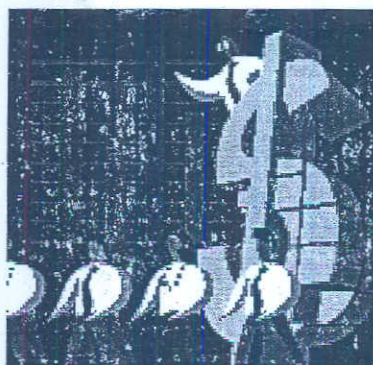


CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
93B NGUYỄN VĂN THỦ, P. ĐAKAO, QUẬN 1, TP.HCM
MST: 0303416670

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ 2 NĂM 2014



Tên cơ sở KD : CTY Cổ Phần Thủy Điện Miền Nam

Địa điểm KD : 93 B Nguyễn Văn Thủ , P ĐaKao, Quận 1 , Tp HCM

Mã số thuế : 0303416670

BẢNG LIỆT KÊ HỒ SƠ QUÝ 02-2014

STT	TÊN HỒ SƠ
	BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ QUYẾT TOÁN THUẾ
1	Bảng Cân đối kế toán
2	Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
3	Lưu chuyển tiền tệ
4	Thuyết minh báo cáo tài chính
	Tổng cộng

TP. Hồ Chí Minh , ngày 07 tháng 07 năm 2014

Tổng Giám Đốc *nh*



nh
NGUYỄN VĂN THỊNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
QUÝ 02-2014

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	01/04/2014
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		347,933,571,341	296,306,291,712
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		11,521,944,161	17,690,431,637
1. Tiền	111	VI.01	9,021,944,161	15,190,431,637
2. Các khoản tương đương tiền	112		2,500,000,000	2,500,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3,821,364,689	3,821,364,689
1. Đầu tư ngắn hạn	121		3,821,364,689	3,821,364,689
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		319,267,691,489	262,968,243,118
1. Phải thu khách hàng	131	VI.02	113,820,958,174	61,935,716,328
2. Trả trước cho người bán	132		205,139,371,115	200,724,976,927
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			-
5. Các khoản phải thu khác	135		307,362,200	307,549,863
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139			-
IV. Hàng tồn kho	140		1,341,339,013	1,186,987,469
1. Hàng tồn kho	141	VI.03	1,341,339,013	1,186,987,469
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11,981,231,989	10,639,264,799
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		307,487,240	637,000,259
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9,294,705,749	8,165,756,540
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	VI.04	2,379,039,000	1,836,508,000

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	01/04/2014
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2,691,430,690,202	2,701,536,941,869
I.Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.Phải thu dài hạn của khách hàng	211			-
2.Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.Phải thu dài hạn nội bộ	213			-
4.Phải thu dài hạn khác	218			-
5.Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			-
II.Tài sản cố định	220		2,690,133,792,443	2,700,293,432,912
1.Tài sản cố định hữu hình	221	VI.05	2,583,161,487,954	2,618,541,243,460
- Nguyên giá	222		2,821,479,840,319	2,821,844,061,784
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(238,318,352,365)	(203,302,818,324)
2.Tài sản cố định thuê tài chính	224			-
- Nguyên giá	225			-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			-
3.Tài sản cố định vô hình	227		2,719,863,637	2,719,863,637
- Nguyên giá	228		2,719,863,637	2,719,863,637
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4.Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	VI.06	104,252,440,852	79,032,325,815
III.Bất động sản đầu tư	240			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế	242			-
IV.Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			-
1.Đầu tư vào công ty con	251			-
2.Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			-
3.Đầu tư dài hạn khác	258			-
4.Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			-
V.Tài sản dài hạn khác	260		1,296,897,759	1,243,508,957
1.Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.07	852,502,884	859,508,957
2.Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			-
3.Tài sản dài hạn khác	268		444,394,875	384,000,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3,039,364,261,543	2,997,843,233,581

-

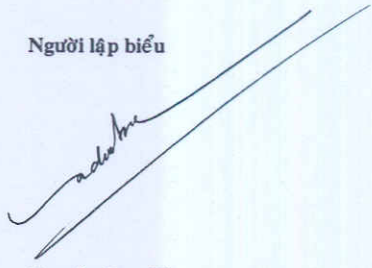
0

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	01/04/2014
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1,976,982,912,349	1,988,857,845,947
I.Nợ ngắn hạn	310		519,378,125,330	632,095,158,826
1.Vay và nợ ngắn hạn	311		106,124,000,000	224,306,000,000
2.Phải trả cho người bán	312		86,188,071,020	103,985,962,728
3.Người mua trả tiền trước	313			-
4.Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		24,460,829,967	6,946,977,685
5.Phải trả người lao động	315		-	637,468,198
6.Chi phí phải trả	316	VI.08	16,585,663,461	9,534,172,679
7.Phải trả nội bộ	317			-
8.Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			-
9.Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	VI.09	281,218,302,145	281,653,438,799
10.Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		4,801,258,737	5,031,138,737
II.Nợ dài hạn	330		1,457,604,787,019	1,356,762,687,121
1.Phải trả dài hạn người bán	331			-
2.Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.Phải trả dài hạn khác	333			-
4.Vay và nợ dài hạn	334	VI.10	1,457,604,787,019	1,356,762,687,121
5.Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			-
6.Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7.Dự phòng phải trả dài hạn	337			
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,062,381,349,194	1,008,985,387,634
I.Vốn chủ sở hữu	410		1,062,381,349,194	1,008,985,387,634
1.Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	VI.11	937,102,000,000	937,102,000,000
2.Thặng dư vốn cổ phần	412			
3.Vốn khác của chủ sở hữu	413			-
4.Cổ phiếu quỹ	414			
5.Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6.Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7.Quỹ đầu tư phát triển	417			
8.Quỹ dự phòng tài chính	418			
9.Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10.Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		125,279,349,194	71,883,387,634
11.Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
II.Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1.Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431			
2.Nguồn kinh phí	432			
3.Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3,039,364,261,543	2,997,843,233,581

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
CHỈ TIÊU		TM	30/06/2014	01/04/2014
1. Tài sản thuê ngoài				
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công				
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược				
4. Nợ khó đòi đã xử lý				
5. Ngoại tệ các loại (USD)				
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án				

Ngày 07 tháng 07 năm 2014

Người lập biểu



Nguyễn Duy Hà

Kế toán trưởng



Nguyễn Thành Tú Anh

Tổng Giám Đốc




Nguyễn Văn Thịnh

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

QUÝ 02-2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 02/2014	Quý 02/2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		139,310,880,656	55,771,998,285
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		139,310,880,656	55,771,998,285
4. Giá vốn hàng bán	11		48,320,210,400	18,031,752,435
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		90,990,670,256	37,740,245,850
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.1	46,862,329	1,990,952,110
7. Chi phí tài chính	22		31,777,447,694	3,425,701,271
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		31,777,447,694	3,425,701,271
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.2	4,366,899,050	2,493,466,205
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		54,893,185,841	33,812,030,484
11. Thu nhập khác	31		1,920,000	1,025,500,000
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		1,920,000	1,025,500,000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		54,895,105,841	34,837,530,484
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.3	1,499,144,281	268,989,605
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		53,395,961,560	34,568,540,880
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu			570	369

Người lập biểu

Nguyễn Duy Hà

Kế Toán Trưởng

Nguyễn Thành Tú Anh

Ngày 07 tháng 07 năm 2014

Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Thịnh



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
QUÝ 02-2014

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Quý 02/2014	Quý 02/2013
I - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Thu tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		101,356,726,876	29,357,418,152
2. Tiền chi tiền trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(4,664,091,533)	(25,643,201,521)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(4,791,953,029)	(3,705,302,225)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(34,984,038,257)	(3,425,701,271)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05		(968,593,539)	(140,278,893)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1,920,000	1,025,500,000
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(7,667,425,173)	(5,711,982,052)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		48,282,545,345	(8,243,547,810)
II - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn	21		(36,810,463,948)	(56,151,814,071)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		46,862,329	1,990,952,110
8. Tiền chi cho hoạt động đầu tư XDCB	28			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(36,763,601,619)	(54,160,861,961)
III - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		100,842,099,898	56,151,814,071
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(118,182,000,000)	(14,989,000,000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(347,531,100)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(17,687,431,202)	41,162,814,071
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(6,168,487,476)	(21,241,595,700)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		17,690,431,637	126,301,660,738
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		11,521,944,161	105,060,065,038

Ngày 07 tháng 07 năm 2014

Người lập biểu

Kế Toán Trưởng

Tổng Giám Đốc



NGUYỄN VĂN THỊNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng đồng Việt Nam (VNĐ), ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

1. Hoạt động kinh doanh chính

Công ty cổ phần thủy điện miền Nam là Công ty cổ phần được thành lập theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303416670 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp:

- | | |
|----------------------|----------------------------|
| - Chứng nhận lần đầu | ngày 13 tháng 7 năm 2004; |
| - Thay đổi lần thứ 2 | ngày 9 tháng 4 năm 2008; |
| - Thay đổi lần thứ 3 | ngày 25 tháng 11 năm 2009. |
| - Thay đổi lần thứ 4 | ngày 09 tháng 05 năm 2011 |
| - Thay đổi lần thứ 5 | ngày 25 tháng 11 năm 2011 |
| - Thay đổi lần thứ 6 | ngày 11 tháng 09 năm 2012 |

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty:

- Sản xuất truyền tải và phân phối điện
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí
- Lắp đặt hệ thống điện
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
- Sửa chữa thiết bị điện., máy móc thiết bị, các sản phẩm kim loại đúc sẵn (không hoạt động tại trụ sở)
- Đào tạo nghề
- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, và phụ tùng máy cơ khí
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học (không hoạt động tại trụ sở)

Trụ sở của Công ty đặt tại số 93B Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, Quận 1.

2. Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303416670, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 11 tháng 09 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Công ty là 937.102.000.000 VNĐ.

Trong đó, danh sách cổ đông sáng lập:

Tên cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ	Đơn vị tính: VNĐ	
				Giá trị
Tổng Công ty điện lực Miền Nam (Trước đây là Công ty Điện Lực 2)	7.500.000	8,00%		75.000.000.000
Công ty TNHH dây và cáp điện Tân Cường Thành	600.000	0,64%		6.000.000.000
Lê Chí Phước	2.000	0,00%		20.000.000
Nguyễn Văn Dũng	2.000	0,00%		20.000.000
4212 Cổ đông khác	10.908.500	11,64%		109.085.000.000

Vốn thực tế góp của chủ sở hữu đến 30 tháng 06 năm 2014, cụ thể như sau:

Vốn góp đến ngày 01 tháng 04 năm 2014	937.102.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	
Vốn góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2014	<u>937.102.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần thủy điện miền Nam là Công ty cổ phần được thành lập theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303416670 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp:

- | | |
|----------------------|----------------------------|
| - Chứng nhận lần đầu | ngày 13 tháng 7 năm 2004; |
| - Thay đổi lần thứ 2 | ngày 9 tháng 4 năm 2008; |
| - Thay đổi lần thứ 3 | ngày 25 tháng 11 năm 2009. |
| - Thay đổi lần thứ 4 | ngày 09 tháng 05 năm 2011. |
| - Thay đổi lần thứ 5 | ngày 25 tháng 11 năm 2011 |
| - Thay đổi lần thứ 6 | ngày 11 tháng 09 năm 2012 |

2. Hình thức hoạt động

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty:

- Sản xuất truyền tải và phân phối điện
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí
- Lắp đặt hệ thống điện
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
- Sửa chữa thiết bị điện., máy móc thiết bị, các sản phẩm kim loại đúc sẵn (không hoạt động tại trụ sở)
- Đào tạo nghề
- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, và phụ tùng máy cơ khí
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học (không hoạt động tại trụ sở)

Trụ sở của Công ty đặt tại số 93B Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, Quận 1.

II. KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm: từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Việt Nam đồng (VNĐ)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Nguyên tắc lập Báo cáo tài chính: Nguyên tắc giá gốc

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng các báo cáo tài chính đính kèm

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

3. Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác:

Các nghiệp vụ liên quan đến ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Đến ngày lập báo cáo tài chính, các số dư tiền mặt hoặc ngoại tệ được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố.

Tất cả các khoản lãi/lỗ do chênh lệch tỷ giá đều được phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

2. Ghi nhận các khoản chi phí trả trước

- Nguyên tắc ghi nhận: chi phí trả trước được xác định theo giá trị ban đầu trừ đi (-) giá trị phân bổ lũy kế.
- Phương pháp phân bổ: việc phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định: ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.
- Phương pháp khấu hao tài sản cố định: Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định
Thời gian sử dụng ước tính của các nhóm tài sản cố định:

Phương tiện vận tải	3 - 8 năm
Máy móc thiết bị	3 - 8 năm
Phần mềm quản lý	3 năm
Tài sản cố định hình thành từ XDCB	5-50 năm

4. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu: phản ánh số vốn thực tế đã góp bằng tiền, bằng tài sản khi thành lập, hoặc huy động thêm vốn để mở rộng quy mô hoạt động của doanh nghiệp.
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: phản ánh kết quả kinh doanh (lợi nhuận, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng các báo cáo tài chính đính kèm

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

5. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Doanh thu hoạt động tài chính: tuân thủ đầy đủ 2 điều kiện ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 "Doanh thu và thu nhập khác".

6. Nguyên tắc vốn hóa chi phí lãi vay

- Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay
Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh trừ khi được vốn hóa
- Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Các chi phí đi vay được vốn hóa khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể sản định một cách đáng tin cậy
- Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ
Chi phí đi vay được vốn hóa là chi phí đi vay thực tế phát sinh từ các khoản vay trừ (-) đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vay này
Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí vay có đủ điều kiện vốn hóa trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó
Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp.

7. Phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định dựa trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 ngày 06 tháng 2014 được dự trừ trên cơ sở tính toán của Công ty. Theo quy định hiện hành, tổng số thuế phải nộp chính thức sẽ được cơ quan thuế quyết toán. Khoản sai biệt, nếu có, giữa số thuế được dự trừ và số thuế theo quyết toán thuế chính thức của cơ quan thuế sẽ được điều chỉnh sau khi nhận được báo cáo quyết toán thuế chính thức của cơ quan thuế.

8. Các bên có liên quan

Các bên được gọi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

9. Giao dịch giữa các bên có liên quan

Là việc chuyển giao các quyền lực hay nghĩa vụ giữa các bên có liên quan, không xét đến việc có tính giá hay không.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 02-2014
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền	30/6/2014	31/3/2014
Tiền mặt	73,234,047	184,467,239
Tiền gửi ngân hàng	8,948,710,114	15,005,964,398
Các khoản tương đương tiền	2,500,000,000	2,500,000,000
	<u>11,521,944,161</u>	<u>17,690,431,637</u>
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	30/6/2014	31/3/2014
Đầu tư ngắn hạn khác	(a) 3,821,364,689	3,821,364,689
	<u>3,821,364,689</u>	<u>3,821,364,689</u>
(a) Đầu tư ngắn hạn khác	30/6/2014	31/3/2014
Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng		
<i>Ngân hàng phát triển - CN Lâm Đồng</i>	3,821,364,689	3,821,364,689
	<u>3,821,364,689</u>	<u>3,821,364,689</u>
3. Các khoản phải thu	30/6/2014	31/3/2014
Phải thu khách hàng	113,820,958,174	61,935,716,328
Trả trước cho người bán	205,139,371,115	200,724,976,927
Các khoản phải thu khác	(a) 307,362,200	307,549,863
	<u>319,267,691,489</u>	<u>262,968,243,118</u>
(a) Khoản phải thu khác	30/6/2014	31/3/2014
Lãi dự thu		
Phải thu khoản tạm ứng đền bù	307,362,200	307,362,200
Thuế TNCN còn phải thu	-	-
Khác	-	187,663
	<u>307,362,200</u>	<u>307,549,863</u>
4. Tài sản ngắn hạn khác	30/6/2014	31/3/2014
Chi phí trả trước ngắn hạn	307,487,240	637,000,259
Thuế GTGT được khấu trừ	(a) 9,294,705,749	8,165,756,540
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		
Tài sản ngắn hạn khác	2,379,039,000	1,836,508,000
	<u>11,981,231,989</u>	<u>10,639,264,799</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 02-2014
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

(a) Thuế GTGT được khấu trừ	30/6/2014	31/3/2014
Thuế GTGT còn được khấu trừ	9,294,705,749	8,165,756,540
	9,294,705,749	8,165,756,540

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 02-2014
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

5. Tài sản cố định

(a) Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác và	TSCĐ hình thành từ XDCB	Cộng
				nhà cửa vật kiến trúc		
Nguyên giá TSCĐ						
Số dư đầu năm	663,392,000	5,986,609,039	719,798,767	81,868,182	2,814,392,393,796	2,821,844,061,784
Mua trong năm	38,700,000	-	-	93,390,216	-	132,090,216
Hình thành từ XDCB						-
Giảm TSCĐ theo QT dự án					496,311,681	496,311,681
Số dư cuối năm	702,092,000	5,986,609,039	719,798,767	175,258,398	2,813,896,082,115	2,821,479,840,319
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	189,907,161	4,007,167,115	486,435,499	4,438,194	198,614,870,355	203,302,818,324
Khấu hao	33,253,601	167,698,476	28,122,297	6,421,647	34,780,038,020	35,015,534,041
Số dư cuối năm	223,160,762	4,174,865,591	514,557,796	10,859,841	233,394,908,375	238,318,352,365
Giá trị còn lại của TSCĐ						
Số dư đầu năm	473,484,839	1,979,441,924	233,363,268	77,429,988	2,615,777,523,441	2,618,541,243,460
Số dư cuối năm	478,931,238	1,811,743,448	205,240,971	164,398,557	2,580,501,173,740	2,583,161,487,954

Tài sản được hình thành từ vốn vay dự án Đasiat đã được thế chấp cho Ngân hàng TM CP Công Thương Việt Nam- Chi nhánh Tp HCM và đăng ký giao dịch bảo đảm .

Tài sản được hình thành từ vốn vay dự án Đadâng 2 đã được thế chấp cho Ngân Hàng Phát Triển Việt Nam-Sở Giao Dịch 2 và đăng ký giao dịch bảo đảm .

Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: không
 Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không
 Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: không

(b) Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử đất	Bản quyền	Nhãn hiệu	Phần mềm	Cộng
		bằng sáng chế	hàng hóa	máy vi tính	
Nguyên giá TSCĐ					
Số dư đầu năm	2,719,863,637			-	2,719,863,637
Giảm trong kỳ					-
Số dư cuối năm	2,719,863,637			-	2,719,863,637

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 02-2014
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu năm					-	-
Khấu hao						-
Giảm trong kỳ						-
Số dư cuối năm	-	-	-	-	-	-

Giá trị còn lại của TSCĐ

Số dư đầu năm	2,719,863,637			-		2,719,863,637
Số dư cuối năm	2,719,863,637	-	-	-	-	2,719,863,637

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/6/2014	31/3/2014
Chi phí XDCB nhà điều hành Bảo Lộc	193,183,181	193,183,181
Chi phí mua sắm TSCĐ	-	-
Nhà máy thủy điện Đasiat		
CP chờ quyết toán Nhà máy thủy điện Đadang 2	10,268,755,647	10,268,755,647
CP chờ quyết toán Nhà máy thủy điện Đambri	93,790,502,024	68,570,386,987
	104,252,440,852	79,032,325,815

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 02-2014
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

7. Tài sản dài hạn khác	30/6/2014	31/3/2014
Chi phí trả trước dài hạn khác (a)	852,502,884	859,508,957
Tài sản dài hạn khác (b)	444,394,875	384,000,000
	<u>1,296,897,759</u>	<u>1,243,508,957</u>
	-	-

(a) Chi phí trả trước dài hạn khác	30/6/2014	31/3/2014
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ chờ phân bổ	798,360,690	796,259,088
Chi phí khác	54,142,194	63,249,869
	<u>852,502,884</u>	<u>859,508,957</u>

(b) Đây là khoản tiền đặt cọc thuê văn phòng làm việc tại Toà nhà Citilight ,45 Võ Thị Sáu ,P ĐaKao , Quận 1

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 02-2014
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

8. Nợ ngắn hạn	30/6/2014	31/3/2014
Vay và nợ ngắn hạn (a)	106,124,000,000	224,306,000,000
Phải trả người bán	86,188,071,020	103,985,962,728
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (b)	24,460,829,967	6,946,977,685
Phải trả người lao động	-	637,468,198
Chi phí phải trả	16,585,663,461	9,534,172,679
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác (c)	281,218,302,145	281,653,438,799
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4,801,258,737	5,031,138,737
	519,378,125,330	632,095,158,826

(a) Nợ dài hạn đến hạn trả	30/6/2014	31/3/2014
Ngân hàng phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch II	21,258,000,000	31,887,000,000
Ngân hàng phát triển Việt Nam - CN Lâm Đồng	76,386,000,000	114,579,000,000
Ngân hàng TM CP Công Thương Việt Nam-Chi Nhánh Tp HCM	4,240,000,000	6,420,000,000
Ngân hàng ngoại thương TP Hồ Chí Minh	2,968,000,000	4,494,000,000
Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn - CN Sài Gòn	1,272,000,000	1,926,000,000
	106,124,000,000	159,306,000,000

(*) Xem chi tiết tại mục V.8.

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	30/6/2014	31/3/2014
Thuế GTGT đầu ra	10,794,084,564	1,201,498,426
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,499,144,281	968,593,539
Thuế thu nhập cá nhân	125,287,686	697,200,264
Thuế tài nguyên	7,091,408,506	736,578,926
Phí dịch vụ bảo vệ rừng	4,950,904,930	3,343,106,530
	24,460,829,967	6,946,977,685

(c) Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	30/6/2014	31/3/2014
Kinh phí công đoàn	18,707,160	18,717,040
Cổ tức năm 2008 còn phải trả cho cổ đông	363,361,000	370,361,000
Cổ tức năm 2009 còn phải trả cho cổ đông	392,264,100	409,364,100
Cổ tức năm 2010 còn phải trả cho cổ đông	517,813,200	561,913,200
Cổ tức năm 2011 còn phải trả cho cổ đông	1,204,149,000	1,312,363,000
Cổ tức năm 2012 còn phải trả cho cổ đông	2,795,361,800	2,966,478,900
Cổ tức năm 2013 còn phải trả cho cổ đông	74,968,160,000	74,968,160,000
Trích trước phần ủy thác nhập PC2	200,805,516,102	200,805,516,102
Nhân viên công ty	2,885,960	142,510,250
Phải trả khác	150,083,823	98,055,207
	281,218,302,145	281,653,438,799

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 02-2014
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

9. Nợ dài hạn	30/6/2014	31/3/2014
Vay và nợ dài hạn	(a) <u>1,457,604,787,019</u>	<u>1,356,762,687,121</u>
	<u>1,457,604,787,019</u>	<u>1,356,762,687,121</u>
(a) Vay và nợ dài hạn	30/6/2014	31/3/2014
Vay thực hiện Dự án Đasiat		
Ngân hàng TM CP Công Thương Việt Nam-Chi		
- Nhánh Tp HCM		-
- Ngân hàng Ngoại thương		102,515,884,574
Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn -		
- CN Sài Gòn		-
Vay thực hiện Dự án Đambri		
Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lâm		
- Đồng	1,111,683,809,483	1,111,683,809,483
Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng - VPBank HCM		
	99,999,999,999	99,999,999,999
- Ngân hàng Ngoại thương-HCM	203,357,984,472	
Vay thực hiện Dự án Đadăng 2		
Ngân hàng phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch II		
	42,562,993,065	42,562,993,065
	<u>1,457,604,787,019</u>	<u>1,356,762,687,121</u>

Vay thực hiện Dự án Đasiat

Đây là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 05.411001/HĐCVHV.TDH ngày 22 tháng 11 năm 2005, cụ thể như sau:

Hạn mức tín dụng:	169 tỷ đồng
Thời hạn vay:	12 năm
Thời gian ân hạn:	2 năm
Lãi suất:	Lãi suất cơ sở + 2,5%
Thời hạn bắt đầu trả nợ gốc:	Sau 2 năm kể từ ngày ký hợp đồng
Hình thức đảm bảo:	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay

Khoản vay này do 3 ngân hàng đồng tài trợ, như sau:

	Số tiền	Tỷ lệ
Ngân hàng TM CP Công Thương Việt Nam-Chi		
- Nhánh Tp HCM	84,500,000,000	50%
- Ngân hàng Ngoại thương	59,150,000,000	35%
Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn -		
- CN Sài Gòn	25,350,000,000	15%
	<u>169,000,000,000</u>	<u>100%</u>

Số dư khoản vay thực hiện dự án Đasiat đến 30 tháng 06 năm 2014

Nợ dài hạn đến hạn trả	8,480,000,000
Vay dài hạn	-
	<u>8,480,000,000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 02-2014
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

Vay thực hiện Dự án Đambri

Đây là khoản vay Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng theo Hợp đồng tín dụng số 02/2008/HĐTDDT-NHPT ngày 17 tháng 4 năm 2008, cụ thể như sau:

Hạn mức tín dụng:	1.250 tỷ đồng
Thời hạn vay:	13 năm
Thời gian ân hạn:	3,5 năm
Thời hạn bắt đầu trả nợ gốc:	Sau 3,5 năm kể từ ngày ký hợp đồng
Hình thức đảm bảo:	Tài sản hình thành sau đầu tư

Số dư khoản vay thực hiện dự án Đambri đến 30 tháng 06 năm 2014

Nợ dài hạn đến hạn trả	76,386,000,000
Vay dài hạn	<u>1,415,041,793,954</u>
	<u>1,491,427,793,954</u>

Vay thực hiện Dự án Đadâng

Đây là khoản vay Ngân hàng phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch II theo Hợp đồng tín dụng số 10/2008/HĐTDDT-NHPT-PC ngày 21 tháng 7 năm 2008, cụ thể như sau:

Hạn mức tín dụng:	276,341 tỷ đồng
Thời hạn vay:	8 năm
Thời gian ân hạn:	1,5 năm
Thời hạn bắt đầu trả nợ gốc:	01/10/2010
Hình thức đảm bảo:	Tài sản hình thành từ vốn vay

Số dư khoản vay thực hiện dự án Đadâng đến 30 tháng 06 năm 2014

Nợ dài hạn đến hạn trả	21,258,000,000
Vay dài hạn	<u>42,562,993,065</u>
	<u>63,820,993,065</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 02-2014

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

10. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	30/6/2014	31/3/2014
Vốn góp đầu năm	937,102,000,000	937,102,000,000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	937,102,000,000	937,102,000,000

Đến ngày 30 tháng 06 năm 2014, Công ty đã góp được 937.102.000.000 VNĐ tương đương 100 % vốn điều lệ Công ty.

Cổ phiếu	30/6/2014	31/3/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	93,710,200	93,710,200
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	93,710,200	93,710,200
Số cổ phiếu đang lưu hành:	30/6/2014	31/3/2014
- Cổ phiếu thường	93,710,200	93,710,200
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu	10,000	10,000

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 02-2014
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối quý 02-2014

Số dư đầu	71,883,387,634
Kết quả kinh doanh quý 02-2014	53,395,961,560
	<u>125,279,349,194</u>

Các quỹ của doanh nghiệp	30/6/2014	31/03/2014
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4,801,258,737	5,031,138,737

VI. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Các khoản thu	Quý 02-2014	Quý 02-2013
1 Doanh thu bán điện	139,310,880,656	55,771,998,285
2 Doanh thu hoạt động tài chính	46,862,329	1,990,952,110
3 Thu nhập khác	1,920,000	1,025,500,000
Cộng	<u>139,359,662,985</u>	<u>58,788,450,395</u>
2. Tổng chi phí	Quý 02-2014	Quý 02-2013
1 Giá vốn	48,320,210,400	18,031,752,435
2 Chi phí tài chính	31,777,447,694	3,425,701,271
3 Chi phí quản lý doanh nghiệp	4,366,899,050	2,493,466,205
4 Chi phí khác	-	-
	<u>84,464,557,144</u>	<u>23,950,919,911</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 02-2014
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

3. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành **30/06/2014**

Lợi nhuận kế toán trước thuế	54,895,105,841
Các khoản chi phí không được khấu trừ	114,213,337
Điều chỉnh tăng lợi nhuận tính thuế	
Điều chỉnh giảm lợi nhuận tính thuế	
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-
Lợi nhuận điều chỉnh chưa trừ lỗ	55,009,319,178
Số lỗ mang sang	-
Thu nhập tính thuế	55,009,319,178
Thu nhập hoạt động giảm 50% thuế TNDN trong vòng 9 năm từ năm 2014 của Nhà máy thủy điện Đasiat ,Đadang 2 (TS 10%)-15	46,223,614,085
Thu nhập hoạt động miễn thuế của nhà máy thủy điện Đambri trong 4 năm (2014->2017)	9,200,985,734
Thu nhập hoạt động chịu thuế	(415,280,641)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2,311,180,704
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các quý trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành quý này	(812,036,423)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1,499,144,281

VII THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về các bên có liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các công ty mà Công ty có liên quan thông qua quan hệ về vốn. Như được trình bày dưới đây, Công ty và các công ty liên kết mà Công ty có mối quan hệ giao dịch thông qua quan hệ đầu tư/ nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một tập đoàn.

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm : các thành viên Hội đồng quản trị , Ban Tổng Giám Đốc, Giám đốc tài chính , kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này :

Trong quý 02/2014, Thu nhập các thành viên quản lý chủ chốt như sau : Quý 02/2014

(VND)

Lương , thưởng và các khoản phụ cấp khác 570.157.181

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính , các khoản công nợ với các bên liên quan khác như sau :

Các bên liên quan	Mối liên hệ	Giá trị khoản phải thu/phải trả (VDN)
Tổng Công ty điện lực Miền Nam	Cổ đông lớn	Ủy thác nhập khẩu thiết bị 182,492,368,577 Nhận thiết bị nhập khẩu (200.805.516.102)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 02-2014
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014


Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

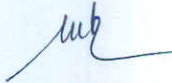
Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày lập Bảng cân đối kế toán (ngày 30 tháng 06 năm 2014) cho đến thời điểm lập Báo cáo này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Người lập biểu



NGUYỄN DUY HÀ

Kế toán trưởng



NGUYỄN THÀNH TÚ ANH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 07 năm 2014

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN THỊNH

